

Câu 1: TCH về kinh tế là gì? Nêu đặc điểm TCH về kinh tế?

• Khái niệm

- TCH là “một xu hướng làm các mối quan hệ trở nên ít bị ràng buộc bởi địa lý lãnh thổ.”
 - + Xuất hiện vào những năm 1950
 - + Lần đầu tiên trong từ điển Anh năm 1961
 - + Được chính thức sử dụng rộng rãi từ những năm 1980 của thế kỷ 20
 - KTTT cần điều kiện: Hàng hóa và Thị trường → Các quốc gia mở rộng TT → Bắt tay hợp tác quốc tế → Xu hướng TCH.
 - Theo quỹ IMF: TCH là “sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế ngày càng tăng lên của các quốc gia trên toàn thế giới...”
 - Các khía cạnh chung:
 - + Sự tăng lên các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.
 - + Sự tùy thuộc lẫn nhau về nhiều mặt của đời sống KT-XH giữa các quốc gia, dân tộc.
 - + Sự xuất hiện các định chế kinh tế khu vực và toàn cầu.
 - + Nền kinh tế của các quốc gia gắn kết với nhau một cách thống nhất và chặt chẽ.
- ⇒ TCH là một quá trình trong đó các quốc gia trên thế giới liên kết, hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự đến VH, XH...
- Là quá trình hình thành và vận hành cấu trúc mới của nền kinh tế thế giới với tư cách là một chỉnh thể thống nhất.
- ⇒ TCH về kinh tế là quá trình tự do hóa thương mại, tự do hóa đầu tư trực tiếp và luân chuyển tự do dòng chảy của luồng vốn ngắn hạn giữa các nước (trong phạm vi toàn cầu) với nhau.

• Đặc điểm

- TCH về kinh tế là sự liên kết của các nước cùng trong chiều hướng phát triển chung, cùng tham gia trong một thị trường chung.

VD: Những biểu hiện trong liên kết chung nội khối ASEAN: Giảm thuế; Tạo dựng một khối TT, cơ sở thống nhất; Miễn visa; Tự do dịch chuyển TT LĐ...
- TCH về kinh tế thúc đẩy nhanh chóng quan hệ kinh tế thương mại trên phạm vi quốc tế.
- TCH kinh tế là quá trình phát triển chứa đựng những thách thức và nguy cơ rất lớn.

Câu 2: Vì sao TCH lại là một xu thế tất yếu và bất buộc:

- TCH là một xu thế tất yếu, bất buộc
 - + Sự phát triển của KHCN diễn ra trên diện rộng và trên mọi ngành nghề → LLSX và NSLĐ tăng → Hàng hóa tăng → sự trao đổi giữa các nước tăng lên.
- Không những vậy, KH-CN phát triển giúp con người kết nối thông tin với nhau và phụ thuộc nhau nhiều hơn.
- + Thể chế kinh tế của các nước hướng tới tương đồng.
 - + Động cơ hướng tới lợi nhuận của các chủ thể kinh tế vi mô.
 - + LLSX phát triển mạnh mẽ → phân công LĐ sâu rộng.
 - + Chuyển đổi từ kinh tế KHH tập trung sang nền KTTT.

Câu 3: Bản chất của TCH?

- Là quá trình tăng lên mạnh mẽ các mối liên hệ tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, quốc gia trên thế giới.
- Gây ra hàng loạt sự biến đổi về thể chế kinh tế, cơ cấu kinh tế, chính sách kinh tế...
- Tạo ra những điều kiện mới, môi trường mới cho sự hợp tác, cạnh tranh và phát triển.
- Xu hướng TCH là kết quả của cách mạng của sức sản xuất, cuộc cách mạng KHCN.

Câu 4: Nêu những đặc điểm cơ bản của mô hình phát triển hướng nội và hướng ngoại?

Các nội dung	Phát triển hướng nội	Phát triển hướng ngoại
1. Xét về thị trường	Lấy thị trường nội địa làm căn bản để xác định cơ cấu sản xuất và các ưu tiên trong chính sách.	Lấy thị trường bên ngoài làm căn bản để xác định cơ cấu sản xuất và các ưu tiên trong chính sách.
2. Đặc trưng về cơ cấu và phương thức vận động	- Sau khi tập trung phát triển các ngành để đáp ứng nhu cầu cơ bản chuyển sang phát triển đa dạng về mặt hàng và cấp độ kỹ thuật. - Thường phát triển từ thượng đến hạ lưu	- Tập trung vào một số ngành có sức cầu lớn ở bên ngoài về quy mô và tốc độ mà nền kinh tế có lợi thế. - Phương thức vận động không rõ nét nếu trong trung hạn
3. Các ưu tiên trong chính sách	- Có hệ thống chính sách giải pháp bảo hộ, bảo trợ, tạo lợi thế tương đối cho các ngành hướng nội. - Khuyến khích nhập hàng đầu tư so với hàng hóa tiêu dùng - Đầu tư chính phủ có vai trò dẫn dắt, khơi gợi đầu tư và lấp lỗ trống trong thiếu hụt hàng hóa và dịch vụ.	- Phối hợp chính sách tạo lợi thế tương đối cho các ngành hướng ngoại và khuyến khích xuất khẩu. - Tăng cường phối hợp về chính sách với các nước, các tổ hợp tài chính KTQT.
4. Mặt tích cực	- Tạo việc làm - Cho phép kết hợp tăng trưởng và công bằng. - Giảm bớt sức ép từ bên ngoài.	- Tốc độ tăng trưởng hiệu quả cao, cho phép cân bằng có hiệu quả sản xuất với tiêu dùng cuối. - Cơ cấu mặt hàng-kỹ thuật linh hoạt với từng khu vực thị trường. - Du nhập nhanh và thích dụng kỹ thuật CN, kiến thức kinh doanh và quản lý.
5. Mặt tiêu cực	- Tốc độ tăng trưởng và hiệu quả giảm dần. - Tính cạnh tranh yếu, có tình trạng ỷ lại vào bảo hộ và trợ cấp chính phủ.	- Có sự phân hóa nhanh thu nhập giữa các ngành, vùng, các tầng lớp dân cư. - Việc làm tăng chậm. - Chịu nhiều tác động của TT thế giới.

Câu 5: Nêu vai trò của các định chế kinh tế tài chính quốc tế trong bối cảnh TCH?

- TCH là sự liên kết phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế.
- Vì vậy, xuất hiện các định chế kinh tế tài chính là đòi hỏi bức thiết của TCH.
- Định chế kinh tế tài chính với TCH:
 - + Các quốc gia được hưởng ưu đãi tài chính.
 - + Hoạt động của các định chế tài chính khu vực.
 - ➔ Hình thành thị trường chung trong phạm vi quốc tế và phạm vi khu vực.

VD: WTO:

- + Tổ chức toàn cầu có sự tham gia hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- + Đóng góp mục tiêu tăng trưởng xã hội.
- + Thúc đẩy phát triển thể chế KTTT, giúp giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.
- + Giải quyết tranh chấp toàn cầu.

Câu 6: Vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong bối cảnh TCH?

Các công ty xuyên quốc gia đã có những tác động to lớn đến sự phát triển của kinh tế thế giới nói chung cũng như các nền kinh tế thế giới của từng quốc gia nói riêng. Trong bối cảnh thế giới diễn như hiện nay thì vai trò của các công ty xuyên quốc gia là không thể thiếu đối với quá trình TCH. Các TNCs đóng vai trò cấu thành nên một phần lớn của quá trình TCH.

- **Vai trò của TNCs trong thương mại thế giới**
 - Thúc đẩy hoạt động thương mại thế giới phát triển: Trong quá trình hoạt động của mình các TNCs đã thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu giữa các quốc gia và gia công quốc tế. Hay nói cách khác là TNCs thúc đẩy thương mại phát triển với ba dòng lưu thông hàng hoá cơ bản là: hàng hoá xuất nhập khẩu từ công ty mẹ, hàng hoá bán ra từ các chi nhánh ở nước ngoài và hàng hoá trao đổi giữa các công ty trong cùng một tập đoàn.
 - Làm thay đổi cơ cấu thương mại quốc tế: Ngày nay, kinh tế thế giới càng phát triển thì vai trò của các TNCs cũng ngày càng cao. Với tỷ trọng lớn trong thương mại thế giới thì các TNCs chính là chủ thể chính làm thay đổi cơ cấu hàng hoá và cơ cấu đối tác trong thương mại thế giới.
- **Vai trò của TNCs đối với đầu tư quốc tế**
 - TNCs thúc đẩy lưu thông dòng vốn đầu tư trên toàn thế giới: Trên thực tế, hầu hết các hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện qua kênh TNCs. Các TNCs hiện chi phối trên 90% Tổng FDI trên toàn thế giới. Với tư cách là chủ thể của hoạt động đầu tư trên thế giới TNCs là nhân tố đặc biệt quan trọng có ảnh hưởng mang tính quyết định tới toàn bộ hoạt động đầu tư quốc tế.
 - TNCs làm tăng tích lũy vốn của nước chủ nhà: Với thế mạnh về vốn TNCs đóng vai trò là động lực thúc đẩy tích lũy vốn của nước chủ nhà. Thông qua kênh TNCs, nước chủ nhà có thể tăng cường thu hút vốn FDI đầu tư vào nước mình.
- **Vai trò của TNCs đối với hoạt động phát triển và chuyển giao công nghệ**
 - TNCs là chủ thể chính trong phát triển công nghệ thế giới: Thúc đẩy đổi mới công nghệ bằng hoạt động Nghiên cứu và phát triển (R&D) là nhiệm vụ sống còn của các TNCs nhằm cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
 - TNCs với hoạt động chuyển giao công nghệ: tiềm năng về tri thức không chỉ bó hẹp trong một vài công ty hoặc một nước nào đó. Để tiếp cận với tiềm năng này các công ty phải thiết lập thêm nhiều cơ sở hoạt động R&D mới. Tại những khu vực đó, các công ty có thể làm giàu thêm nguồn tri thức bằng việc mở rộng hoạt động R&D, đồng thời tiếp thu thành quả từ các đối thủ cạnh tranh.
- **Vai trò của TNCs đối với phát triển nguồn nhân lực của nước nhận đầu tư, tạo nên công ăn việc làm cho người lao động**:

Nhân tố con người đóng vai trò then chốt trong mọi sự phát triển. Mỗi Công ty muốn phát triển phải có một bộ máy lãnh đạo tốt, tài tình, hiệu quả và lực lượng lao động có tay nghề. Một công ty có thể mua được công nghệ máy móc tốt nhưng nếu không có người vận hành và không biết sử dụng thì công nghệ đó cũng không có giá trị. Nhận thức được tầm vai trò của nguồn lực trong sự phát triển, Các TNCs luôn đề ra những chính sách phát triển nguồn lực song song cùng với những chiến lược phát triển của mình. Khác với các công ty nội địa, các TNCs phân bổ nguồn lực của mình trên quy mô quốc tế theo sự phân công lao động giữa các chi nhánh.

Câu 7: Nêu những đặc điểm chung của các nước đang phát triển theo phân loại về trình độ phát triển?

Các chỉ tiêu, thông số	Các nước CN phát triển DCs	Các nước mới CNH NICs	Các nước đang phát triển
1. Giai đoạn kinh tế	- Đã CNH, đi vào giai đoạn trưởng thành	- Đã CNH trong thời kỳ đặc biệt những năm 1960-1980, đang ở giai đoạn đầu của trưởng thành về KT	- Đang hoặc chưa CNH, đang ở giai đoạn cất cánh hoặc trước cất cánh.
2. Thu nhập bình quân	Trên 10.000 USD	Trên 6.000 USD	Chia thành 3 nhóm: - Thu nhập BQ: 2.000-6.000 USD - Thu nhập BQ: 600-2.000 USD - Thu nhập BQ <600 USD
3. Về cơ cấu KT	- Định hình và chuyển dịch nhanh theo các lợi thế. - Kỹ thuật hiện đại - Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp - Tỷ trọng xuất khẩu chiếm ưu thế trong GDP	- Định hình và chuyển dịch nhanh theo các lợi thế. - Kỹ thuật hiện đại, có sự kết hợp thích dụng các loại hình kỹ thuật. - Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng công nghiệp-dịch vụ-nông nghiệp	- Đang trong quá trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế- kỹ thuật - Độ chuyển dịch nhỏ. - Cơ cấu ngành đang trong thời kỳ nông nghiệp- công nghiệp- dịch vụ.
4. Về mặt thể chế	- Các truyền thống tập tục lạc hậu suy giảm nhanh. - Hệ thống quản lý hoàn thiện theo sự tiến bộ của môi trường kinh tế - Đã thiết lập mạng các QHKT- thể chế với bên ngoài, hoạt động có hiệu quả	- Các truyền thống, tập tục lạc hậu suy giảm nhanh. - Đã và đang tìm cách nối kết các quan hệ KT- thể chế với các nước phát triển và đang phát triển.	- Nhiều truyền thống, tập tục lạc hậu đang đề nặng thậm chí quyết định sự phát triển - Đang tìm cách kết nối các quan hệ KT- thể chế với các nước phát triển và đang phát triển. -Đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống các công cụ quản lý.

- Đặc điểm chung của các nước đang phát triển:
 - Là nước thuộc địa cũ của Tây Âu
 - Kinh tế nông nghiệp hiện là chính, quy mô nhỏ
 - Dân số đa số tập trung ở nông thôn
 - Thiếu vốn và KHCN lạc hậu
 - Dân số tăng nhanh và nhập siêu nhiều.

Câu 8: Phân tích những biểu hiện mới của xu thế TCH giai đoạn hiện nay?

Dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thế giới đương đại đang có những chuyển biến, tác động sâu sắc trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; trong đó, sự dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông và sự chuyển dịch quyền lực và sự điều chỉnh chiến lược

Thế giới đã, đang chứng kiến ba cuộc chuyển giao quyền lực lớn làm thay đổi cơ bản đời sống quốc tế trên mọi mặt, từ chính trị, quân sự đến kinh tế, văn hóa – xã hội. Cuộc chuyển giao quyền lực thứ nhất là sự trỗi dậy của châu Âu từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII, dưới tác động của cách mạng công nghiệp, thương mại và đầu tư. Cuộc chuyển giao quyền lực thứ hai là sự trỗi dậy của Mỹ từ những năm cuối thế kỷ XIX, nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945), làm cho Mỹ trở thành siêu cường chi phối trật tự quốc tế cho tới cuối thế kỷ XX. Bước vào thế kỷ XXI, do suy yếu tương đối của Mỹ và sự trỗi dậy mạnh mẽ của một số nước, nổi bật là Trung Quốc và Ấn Độ, dẫn tới sự chuyển dịch quyền lực lần thứ ba trên phạm vi toàn cầu. Đó là sự chuyển dịch trọng tâm quyền lực từ Tây sang Đông, dẫn tới sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế, làm cho cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Trong bối cảnh như vậy, hầu hết các nước, nhất là những nước lớn có sự điều chỉnh chiến lược, nhằm tranh giành ảnh hưởng, khẳng định vị thế của mình.

Với mục tiêu duy trì vị thế siêu cường duy nhất, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược quân sự, an ninh toàn cầu bằng việc tập hợp lực lượng, điều chỉnh chiến lược với từng khu vực để khống chế, kìm hãm các thế lực thách thức “ngôi vị số 1” của mình.

Trung Quốc với sức mạnh được tăng lên sau nhiều năm phát triển, đang mở rộng không gian chiến lược để khẳng định vị thế cường quốc khu vực và quốc tế. Hiện nay, họ đang triển khai nhiều biện pháp, như: tăng thực lực quân sự, chú trọng phát triển nhanh lực lượng hải quân để mở rộng hoạt động ra hướng biển, gia tăng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, Đông Á, từng bước cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Tiến bước xa hơn, Trung Quốc đẩy mạnh thực thi sáng kiến “Vành đai và con đường”, tham gia và thúc đẩy nhóm nền kinh tế mới nổi (BRICS) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), hướng tới xây dựng cơ chế hợp tác lấy Trung Quốc là trọng tâm, động lực. Sự phát triển đó dẫn đến mâu thuẫn, căng thẳng, cọ xát giữa Trung Quốc với Mỹ, diễn ra tại nhiều khu vực trên thế giới, nhưng ở châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là ở Biển Đông theo hướng ngày càng tăng.

Đối với Nga, Tổng thống V.I. Pu-tin đẩy mạnh các hoạt động nhằm giành lại vị thế của mình tại các khu vực ảnh hưởng truyền thống và trên quốc tế, nhất là trước sự kiềm tỏa của Mỹ và phương Tây, từ sau

khi Nga sáp nhập Crum. Điển hình là, Nga tăng cường lực lượng, vũ khí, triển khai tấn công và giành nhiều thắng lợi trong việc không kích lực lượng Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) ở Xy-ri. Điều đó chứng tỏ, mặc dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng Nga vẫn là một cường quốc, đồng thời buộc Mỹ và phương Tây phải tính tới vai trò của mình khi giải quyết những vấn đề trên thế giới.

Nhiều dự báo cho thấy, đến năm 2020, Nhật Bản vẫn là cường quốc kinh tế thế giới nhưng nhiều khả năng sẽ bị Ấn Độ thách thức ở vị trí số 3. Vì vậy, nhằm duy trì vị thế của mình, trở thành một cường quốc có ảnh hưởng cả về kinh tế, chính trị, quân sự trong khu vực và trên thế giới, Chính phủ Nhật Bản cho tiến hành sửa đổi Hiến pháp, gỡ bỏ ràng buộc nội bộ để tăng quyền tự do hành động trong một số vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia. Đồng thời, phát huy công cụ “ngoại giao kinh tế”, tăng cường quan hệ đồng minh, liên kết chặt chẽ và chia sẻ trách nhiệm với Mỹ trong những vấn đề quốc tế; tập trung xử lý quan hệ với Trung Quốc, nhất là những căng thẳng trong tranh chấp biển, đảo; tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác do ASEAN chủ đạo để có vai trò lớn hơn.

Những năm gần đây, Ấn Độ có sự phát triển mạnh, nhiều khả năng vượt lên thành nền kinh tế thứ 3 thế giới. Trong chiến lược của mình, Ấn Độ tiếp tục duy trì cân bằng quan hệ với các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc, nhưng cạnh tranh lợi ích với Trung Quốc sẽ gay gắt hơn; tiếp tục khẳng định ảnh hưởng ở khu vực Nam Á và Ấn Độ Dương; đẩy mạnh chiến lược “hướng Đông”, gia tăng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, quan tâm hơn tới an ninh biển và bảo vệ trật tự biển.

Còn đối với EU, đang hướng vào xử lý các vấn đề nổi cộm của khối, như: Brexit, khủng hoảng nợ công, nhập cư, chống khủng bố, v.v. Vì vậy, sự quan tâm và nguồn lực dành cho khu vực châu Á – Thái Bình Dương có chiều hướng giảm. Tuy nhiên, EU vẫn duy trì quan hệ với các đối tác ở các khu vực khác, trong đó có ASEAN.

Trong bối cảnh chung của thế giới, ASEAN tiếp tục giữ và phát huy vị trí địa chiến lược của mình, bảo đảm khả năng thích ứng và tự chủ trong quan hệ với các nước lớn. ASEAN ưu tiên triển khai tầm nhìn 2025 và các kế hoạch hợp tác trên 3 trụ cột: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; thu hẹp khoảng cách phát triển, tăng cường kết nối; duy trì đoàn kết nội khối; đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với tất cả các đối tác ngoài khu vực, trong đó có EU.

Hiện nay, trào lưu dân túy và xu hướng bảo hộ đang gây ra một số tác động khá tiêu cực trong quan hệ quốc tế. Nó cổ vũ cho việc bảo vệ lợi ích cục bộ của mỗi quốc gia; chống liên kết, hội nhập quốc tế, hạn chế liên kết kinh tế, giảm sự ủng hộ đối với tự do thương mại đa phương. Do đó, làm tăng sự va chạm về lợi ích giữa các quốc gia; tăng mâu thuẫn, bất đồng vốn có về một số vấn đề kinh tế, thương mại, không loại trừ có những hành động “trả đũa” dẫn tới chiến tranh thương mại, tỷ giá. Đánh dấu cho bước khởi đầu là năm 2018, thế giới có nhiều biến động bất ngờ với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ- Trung. "Những điều tưởng sẽ dịu đi lại càng lên, còn những chỗ tưởng chừng căng lên thì lại dịu xuống. Nếu nhìn tổng thể, năm 2018 chủ yếu nổi lên sự xung đột về địa chiến lược giữa các cường quốc. Sự quay trở lại của chính trị

cường quyền, làm thế giới đảo lộn. Đây là sự xung đột dữ dội. Có thể nói, đây là năm mở đầu cho quá trình thay đổi trật tự thế giới mới, nhiều người dự báo là có thể bước sang giai đoạn một cuộc chiến tranh lạnh mới. Điều này chưa dám khẳng định nhưng cũng không loại trừ". Cuộc chiến tranh Mỹ -Trung hiện tại không chỉ dừng lại tại vấn đề các cân thương mại mà đang có biểu hiện lan rộng sang các lĩnh vực như chính trị, quân sự...

Tình hình trên cho thấy, sự cạnh tranh quyền lực, lợi ích và vị thế chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga đang diễn ra ngày càng quyết liệt, tác động nhiều chiều đến đời sống quốc tế, cả tích cực và tiêu cực. Tổng thống Donald Trump tự nhận bản thân là “người đánh thuế”, trong khi đó, Chủ tịch TQ Tập Cận Bình với vai trò là người dẫn dắt con đường mới của TQ, Tổng thống Nga Putin sẽ trên cương vị dẫn dắt Nga thêm 6 năm.

Đứng trước xu thế toàn cầu hóa trên toàn thế giới Triều Tiên cũng không thể tự khép mình để nhìn đất nước ngày càng lạc hậu và mai một, trong khi thế giới phát triển như vũ bão. Ngày 27/4/2018, Nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim-jong-un và Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in bước qua ranh giới quân sự phân chia hai miền và bắt tay nhau. Ít lâu sau, lần đầu tiên Triều Tiên ngồi trên bàn đàm phán với Mỹ bằng cuộc đàm phán thượng đỉnh Mỹ-Triều vào ngày 12/6/2018.

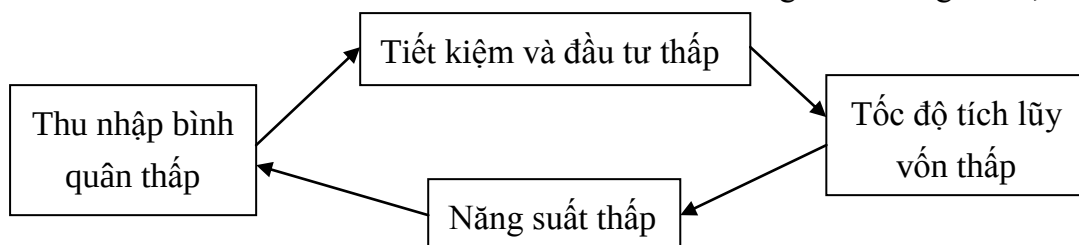
Bên cạnh đó, các vấn đề toàn cầu, an ninh phi truyền thống như dòng người nhập cư vào biên giới Mỹ-Mexico, các vấn đề về môi trường, tranh chấp lãnh thổ khiến chủ nghĩa đa phương bị thách thức.

Chiến tranh Mỹ-Trung cũng khiến các công ty đa và xuyên quốc gia phải thiết lập lại cơ chế, chính sách hoạt động mới. Việc Mỹ đánh các gói thuế vào TQ cũng được xem như một đòn buộc các công ty của Mỹ trở về nước để tạo nên công ăn việc làm cho người dân Mỹ. Hàng loạt các xưởng lắp ráp của Apple đang trong tình trạng đóng cửa, các xưởng sản xuất ô tô của các hãng cũng có dấu hiệu rời đi, tìm một thị trường mới.

Câu 9: Trình bày nội dung lý thuyết cái vòng luẩn quẩn?

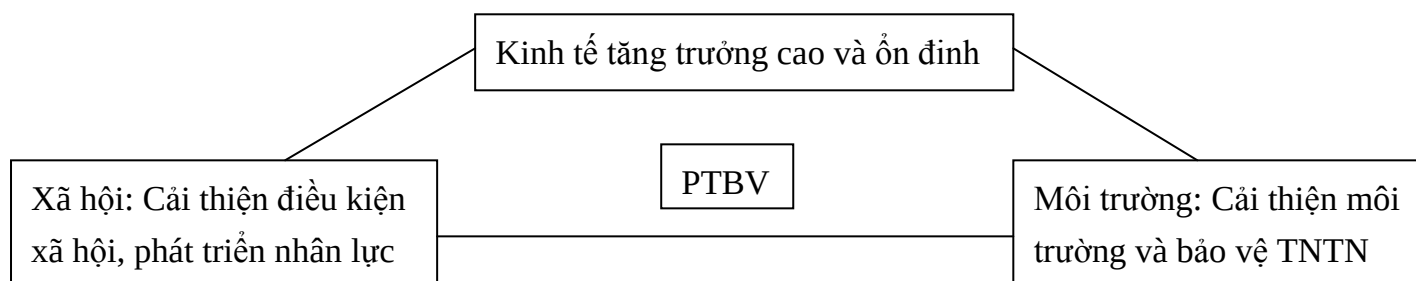
- Theo lý thuyết này, để tăng trưởng kinh tế nói chung cần phải đảm bảo 4 nhân tố: Nhân lực, TNTN, Cơ cấu tư bản và Kỹ thuật.
- Nhân lực: Ở các nước nghèo do tuổi thọ trung bình thấp, sức khỏe yếu, học vấn thấp, tỷ lệ người biết chữ thấp, mức sống thấp. → Muốn có tăng trưởng kinh tế phải có chương trình kiểm soát bệnh tật, nâng cao sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng, xóa mù chữ, nâng cao trình độ học vấn cho con người
- TNTN: Ở các nước nghèo, tài nguyên cũng nghèo, lại phân chia cho một số dân đông đúc, khả năng phát huy được hiệu quả kinh tế của TNTN là rất thấp. TNTN quan trọng nhất đối với những nước này là tài nguyên đất nông nghiệp. → Cần có chế độ canh tác và sử dụng hợp lý đất đai. Phải có đầu tư nước ngoài để khai thác những nguồn tài nguyên tiềm năng.

- Cơ cấu tư bản: Nhìn chung, các nước nghèo ít tư bản. Muốn có tăng trưởng thì phải có đầu tư, muốn có đầu tư phải có tư bản. Để đáp ứng được những nhu cầu về vốn đầu tư thì trước đây các nước nghèo thường đi vay. Nhưng trong điều kiện hiện tại thì hầu hết các nước nghèo đều là con nợ khổng lồ, khả năng vay vốn là khó khăn. → Để đáp ứng nhu cầu đầu tư, các nước nghèo chỉ còn 1 giải pháp là thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI).
- Kỹ thuật: Nước nghèo cũng ở trong tình trạng lạc hậu về kỹ thuật, nhưng lại có lợi thế của một nước đi sau. → Có thể tranh thủ thành tựu của các nước đi trước để tìm những con đường đi tắt, đón đầu.



- Samuellsen còn khái quát nguyên nhân nghèo đói tại các nước đang phát triển qua khái niệm “vòng luẩn quẩn của đói nghèo” từ cả hai phía cung và cầu.
- Từ phía cung: Đầu tư thấp → NSLĐ thấp → Thu nhập thấp → Tỷ lệ tích lũy thấp → Đầu tư thấp → ...
- Từ phía cầu: Quy mô thị trường quá nhỏ → Không kích thích các nhà đầu tư tiềm năng → Không có vốn đầu tư thêm → NS thấp → Thu nhập thấp → Quy mô thị trường nhỏ → ...
- ⇒ Vậy nên để tăng trưởng và phát triển cần phải có “Cú huých từ bên ngoài” nhằm phá “cái vòng luẩn quẩn”. Cú huých có tính đột phá này là cú huých từ FDI

Câu 10: Phát triển bền vững và mục tiêu của phát triển bền vững? Lấy VD.



17 Mục tiêu Phát triển bền vững của thế giới cho giai đoạn 2015 - 2030

1. Xóa nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi.
2. Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.
3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.
4. Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.
5. Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.
6. Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững nguồn nước và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người.
7. Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.
8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.

9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh CNH rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.
10. Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.
11. Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững.
12. Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững.
13. Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó.
14. Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển cho PTBV.
15. Bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học.
16. Thúc đẩy xã hội hòa bình và rộng mở cho phát triển bền vững, mang công bằng đến với tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và rộng mở ở tất cả các cấp.
17. Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để PTBV.

VD: Chính phủ Việt Nam và Liên hợp quốc đã xây dựng một kế hoạch chiến lược chung nhằm lồng ghép các mục tiêu PTBV với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội (2011-2020) và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (2016-2010). Kế hoạch này tập trung vào bốn lĩnh vực chính:

- Khu vực tập trung 1: Tập trung vào con người với tầm nhìn “Cung cấp các dịch vụ và bảo trợ xã hội có chất lượng, công bằng, bao trùm và toàn diện cho những người sống ở VN để đảm bảo sức khỏe, giáo dục, thoát nghèo và trao quyền để họ phát huy đầy đủ tiềm năng”.
- Khu vực tập trung 2: Đảm bảo khả năng thích ứng với khí hậu và môi trường bền vững với tầm nhìn “Đáp ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai cũng như quản lý bền vững các TNTN và MT”
- Khu vực tập trung 3: Thị trường và hợp tác với tầm nhìn “Chuyển sang mô hình tăng trưởng toàn diện, bền vững và năng suất, cũng như tạo ra một thị trường lao động công bằng hơn, hiệu quả hơn và toàn diện, đảm bảo công việc và cơ hội tốt cho tất cả mọi người.
- Khu vực tập trung 4: Thúc đẩy công lý, hòa bình và quản trị toàn diện với tầm nhìn “Tăng cường quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tôn trọng và bảo đảm quyền con người, tự do kinh doanh, hướng tới một xã hội công bằng hơn toàn diện hơn”

Câu 11: Những cơ hội và thách thức trong phát triển KT-XH đất nước ta hiện nay? Theo ac, VN cần làm gì để tận dụng cơ hội, vượt qua các thử thách đó?

- Cơ hội
- VN hiện nay tham gia rất nhiều các hiệp định song phương và đa phương sẽ giúp tăng cường vị thế của VN ở cả khu vực và quốc tế; thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nội địa sang các thị trường lớn; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực mà VN đang muốn phát triển; nâng cao năng lực cạnh tranh và hoàn thiện thể chế kinh tế cũng như sắp xếp lại trật tự của các quan hệ sản xuất.
- Năm 2018 đánh dấu VN đạt mức GDP 7.08%, vượt kế hoạch dự định. Từ đó cho thấy tốc độ phát triển của VN đang trên đà đi lên và tương đối ổn định.
- Môi trường chính trị ổn định, đây là nền tảng cho sự phát triển của VN.
- Quy mô dân số lớn, VN được xem là nơi có thị trường bán lẻ hấp dẫn trên thế giới.
- Cuộc chiến tranh Mỹ- Trung giúp các doanh nghiệp VN tận dụng cơ hội đầu tư xuất khẩu.

- Thách thức
 - Hạn chế trong năng lực cạnh tranh, sức ép từ các doanh nghiệp nước ngoài khiến các doanh nghiệp trong nước có nguy cơ bị đánh bật. Ngoài ra, khi VN tham gia các hiệp định thì sẽ giảm các nguồn thu từ thuế, LD trong nước có thể bị thay thế bởi lao động nước ngoài.
 - Nợ công cao, xử lý nợ xấu chưa thực chất và gặp nhiều khó khăn.
 - Cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ để đáp ứng với yêu cầu quốc tế.
 - Thể chế và hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện có thể tạo nên lỗ hổng về quản lý.
 - Tình trạng tham nhũng và lợi ích nhóm.
 - Đặt ra vấn đề về bảo vệ TNMT, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc dân tộc.
 - Chiến tranh giữa các cường quốc, sự biến động của thị trường thế giới khiến VN một nước non trẻ cần phải thận trọng hơn.
 - Bối cảnh sức ép về lãi suất đồng đôla Mỹ, giá dầu thô và giá cả hàng hóa thế giới, căng thẳng do chiến tranh thương mại giữa Mỹ và các nền kinh tế lớn, xu hướng bảo hộ mậu dịch tiếp tục gia tăng, tạo áp lực lớn cho điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất và lạm phát trong nước.

- Khuyến nghị:

Nhìn vào mô hình kinh tế của VN hiện nay có thể thấy rằng quy mô nền kinh tế còn hạn chế, độ mở nền kinh tế lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng, nền kinh tế sẽ chịu nhiều tác động đan xen. Vì vậy để có thể phát triển KT-XH của VN trong bối cảnh đất nước và tình hình thế giới hiện nay thì cần phải vô cùng thận trọng.

- Trong nước, VN cần giải quyết những trở lực mang tính cấu trúc như dân số già hóa nhanh, tăng trưởng năng suất chậm và đầu tư thấp,... Nhà nước cần phải khuyến khích phát triển khu vực tư nhân; xây dựng cơ sở hạ tầng, vốn nhân lực và đảm bảo tăng trưởng xanh.

+ Cải cách để thúc đẩy phát triển khu vực tư nhân trong nước sẽ cần phải được đẩy mạnh mẽ, để trở thành động lực chính nhằm tăng năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Đứng trước những khó khăn về tài chính, việc giải phóng nguồn đầu tư tư nhân có thể có ý nghĩa to lớn trong việc đáp ứng nhu cầu đầu tư cao của Việt Nam.

+ Nhiều hạn chế về tài chính, cần tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng, vốn có ý nghĩa rất quan trọng cho tăng trưởng trong tương lai.

+ Việt Nam không thể không nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu tư vào vốn nhân lực, đặc biệt là trong bối cảnh công nghệ đột phá thay đổi nhanh chóng và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Điều này đòi hỏi phải tập trung vào chất lượng và sự phù hợp của giáo dục đại học và dạy nghề. Ngoài ra, việc xây dựng một khuôn khổ thể chế và cơ chế khuyến khích hiệu quả để đổi mới

+ Thể chế nhà nước cần thay đổi thông thoáng, chặt chẽ nhằm quản lý hiệu quả.

+ Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ODA.

Câu 12: Căn cứ vào tốc độ phát triển kinh tế, ac hãy vận dụng và đưa ra những khuyến nghị phát triển kinh tế tại VN?

Tốc độ phát triển của VN qua các năm tương đối ổn định.

- GDP năm 2014-2018 lần lượt là: 5.98%, 6.68%, 6,21%, 6.81% và 7,02%.

- Đối với các ngành công nghiệp chế biến, trong 5 năm có thể thấy sự tăng mạnh của công nghiệp chế biến chế tạo và sụt giảm đối với ngành khai khoáng
- Môi trường kinh doanh được cải thiện khiến cho số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2018 tăng cao kỷ lục.
- Thị trường bán lẻ tăng trưởng mạnh.
- Thu NSNN từ nội địa tăng cao, từ khai thác dầu thô giảm dần.
- Lạm phát được kiểm soát tốt giúp kinh tế vĩ mô ổn định. CPI 2018 là 3.54%
- FDI và VN năm 2018 đạt gần 35,5 tỷ USD.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com